

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:13/2022/HNGĐ-ST
Ngày:23/12/2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quy và bà Trần Thị Luận

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Đức—Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại Nhà văn hóa khu Nhân Đào, TT N, huyện N, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công Ki vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2022 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐHPTST-DS ngày 08/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1999

ĐKKHKT và nơi cư trú : Số nhà 25, tổ 9, phường T, TP.H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Huy N, sinh năm 1995

ĐKKHKT : Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt; anh N vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Cao Thị T, sinh năm 1971

- Ông Phạm Huy K, sinh năm 1961

Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự Ki, biên bản lấy lời Ki và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Phạm Huy N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết

hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/6/2020. Sau khi cưới anh chị sống cùng bố mẹ anh N được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đặc biệt sau khi chị sinh con anh N thường xuyên vắng nhà và nói đi lái xe Bắc Nam, nay đây mai đó không ở địa chỉ nào cụ thể. Anh N không có trách nhiệm với vợ con và gia đình. Ngoài ra, anh N còn chơi bời, nợ nần ngoài xã hội để họ thường xuyên đến đòi nợ dẫn đến vợ chồng khó khăn về kinh tế và thường xuyên cãi vã nhau. Do không chịu được cuộc sống không có hạnh phúc nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hòa Bình sinh sống từ cuối năm 2020. Khi ở nhà bố mẹ đẻ anh N có thi thoảng gọi điện, nhắn tin cho chị để hỏi thăm con chứ cũng không nói chuyện gì về hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng không về thăm chị. Chị cũng đã nói với anh N về vấn đề ly hôn nhưng anh N không nói gì. Nay chị nhận thấy giữa chị và anh N thực sự không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh N

Về con chung: chị và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020. Hiện con đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao cho chị được nuôi con vì còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Khi nuôi con chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân của Công ty TNHH thực phẩm ORION VINA ở thành phố Hòa Bình thu nhập hơn 07 triệu đồng/tháng và chị có làm kinh doanh thêm là bán hàng Online thu nhập khá đủ để mẹ con chị sinh sống. Ngoài ra, do mẹ con chị ở cùng bố mẹ đẻ ở Hòa Bình bố mẹ chị dành cho mẹ con chị một chỗ ở ổn định và phụ giúp chị trong việc chăm nom con khi chị đi làm.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án không lấy được lời Ki của anh N được.

Lời Ki của ông Phạm Huy K (bố đẻ anh N) xác định: Chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2020. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình ông ở xã N được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hòa Bình sinh sống ngay sau khi vợ chồng mâu thuẫn nhau. Khi chị H bỏ về gia đình ông đã khuyên giải anh chị nhưng chị H không nghe. Gia đình ông cũng phân tích cho anh N và khuyên anh N đón chị H về nhưng chị H cũng nói không về và kiên quyết ly hôn. Anh N hiện đang làm phụ lái xe Bắc Nam, nên không ở cụ thể một địa chỉ nào, gia đình ông có hỏi anh N cũng không nói. Việc chị H xin ly hôn ông cũng đã thông báo cho anh N biết nhưng không hiểu lý do vì sao anh N không về giải quyết, anh N

nói với ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Giữa hai bên gia đình đã không còn qua lại hỏi thăm lẫn nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh N ông không có ý kiến gì, việc ly hôn do anh chị tự quyết định. Nếu chị H kiên quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết ly hôn cho chị H, anh N sớm ổn định cuộc sống. Về vấn đề con chung ông xác nhận chị H và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020. Việc nuôi con ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Anh N, chị H mới cưới nhau đã ly hôn nên không có tài sản gì chung, nợ chung hay công sức đóng góp gì với gia đình hai bên.

Tại đơn đề nghị bà Cao Thị T (mẹ đẻ chị H) xác định: Bà được biết quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H, anh N chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị H, anh N không hợp nhau về tính cách. Anh N không quan tâm đến vợ con, gia đình. Chị H đã bỏ về nhà bà ở Hòa Bình sinh sống từ tháng 10/2020 đến nay. Trong thời gian chị H sinh con, nuôi con anh N cũng không chăm sóc gì hay cũng không đến đón mẹ con chị H về sinh sống. Gia đình bà gọi điện khuyên bảo anh N những giữa anh chị không cải thiện quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, còn nguyên nhân sâu xa nào khác dẫn đến việc chị H xin ly hôn anh N bà không biết. Nay, chị H làm đơn xin ly hôn anh N bà đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề ly hôn để chị H sớm ổn định cuộc sống. Hiện mẹ con chị H đang ở nhà bà, gia đình bà bố trí 01 phòng rộng khoảng 40 m² với đầy đủ tiện nghi để mẹ con chị H sinh hoạt. Chị H, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020, bà đề nghị Tòa án giao cho chị H nuôi dưỡng, bà sẽ phụ giúp chị H trông nom chăm sóc con khi chị H đi làm.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị H, anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2020. Nay chị H xin ly hôn anh N tại Tòa án nhân dân huyện N, UBND xã không nắm được mâu thuẫn vợ chồng vì khi gửi đơn chị H không yêu cầu hòa giải cơ sở. Địa phương chỉ nắm được hiện chị H và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hòa Bình sinh sống còn anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N tuy nhiên hiện đang làm ăn, sinh sống ở đâu chính quyền địa phương không nắm được. Chị H xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Công an thể hiện anh Phạm Huy N đã được Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số C09867054 ngày 25/01/2021, không có thông tin xuất nhập cảnh.

Tại phiên tòa chị H có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N; về con chung chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020, chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp gia đình hai bên chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Huy N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Huy N; về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H: tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở; Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công Ki tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Phạm Huy N, anh N có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh N đã được Tòa án niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh N và người thân của anh N tuy nhiên anh N vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án không có lý do. Tòa án cũng đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định

hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho anh N nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh N là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Huy N được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, quan hệ hôn nhân của chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh N lại chơi bời, nợ nần dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi vã nhau. Khi chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống anh N không thăm nom, chăm sóc mẹ con chị H, hai bên gia đình cũng không còn qua lại, quan tâm đến nhau nữa. Điều này, thể hiện anh chị không còn tình cảm với nhau. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án, anh N đã được thông báo về các văn bản tố tụng của Tòa án tuy nhiên anh N đã không đến làm việc, Tòa án không thể thực hiện tiến hành lấy lời khai và hoà giải, điều đó chứng tỏ anh N cũng không tha thiết tìm biện pháp cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy, anh N và chị H không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vợ chồng chị H, anh N đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay, anh N vắng mặt nên HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Huy N là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 18/11/2020. Chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay con chung đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H1 đang ở ổn định với chị H, cháu lại còn nhỏ và dưới 36 tháng tuổi; chị H có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định nên cần giao cháu H1 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con chung là đảm bảo quyền lợi cho con chung và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, 227, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Huy N

- *Về con chung*: Xử: Giao cháu Nguyễn Mạnh H1, sinh ngày 28/11/2020 cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh Phạm Huy N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0001414 ngày 11/10/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện N để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Diệp